

## 4A (十一月份測驗時間表)

日期 節次	14 / 11 (一) Day C	15 / 11 (二) Day D	16 / 11 (三) Day E	17 / 11 (四) Day F	18 / 11 (五) Day A	24 / 11 (四) Day B	25 / 11 (五) Day C	28 / 11 (一) Day D	29 / 11 (二) Day E	30 / 11 (三) Day F
1					ICT / BIO		ENG (2)			
2										
3										
4										
5				CHI		MATHS			L S	
6										
7				CHH					GEO / PHY /	
8									BAFS(PAC) / VIA (180MINS)	

## 4B (十一月份測驗時間表)

日期 節次	14/ 11 (一) Day C	15/ 11 (二) Day D	16/ 11 (三) Day E	17/ 11 (四) Day F	18/ 11 (五) Day A	24/ 11 (四) Day B	25/ 11 (五) Day C	28/ 11 (一) Day D	29/ 11 (二) Day E	30/ 11 (三) Day F
1					ICT / BIO		ENG (2)			
2										
3										
4										
5				CHI		MATHS			L S	
6										
7					BAFS-COMM				PHY / GEO /	
8									VIA (180MINS)	

## 4C (十一月份測驗時間表)

日期 節次	14/ 11 (一) Day C	15/ 11 (二) Day D	16/ 11 (三) Day E	17/ 11 (四) Day F	18/ 11 (五) Day A	24/ 11 (四) Day B	25/ 11 (五) Day C	28/ 11 (一) Day D	29/ 11 (二) Day E	30/ 11 (三) Day F
1		ECON			ICT / BIO		ENG (2)			
2										
3										
4										
5				CHI		MATHS			L S	
6										
7									GEO / PHY /	
8									BAFS (PAC) / VIA (180MINS)	

## 4D (十一月份測驗時間表)

日期 節次	14 / 11 (一) Day C	15 / 11 (二) Day D	16 / 11 (三) Day E	17 / 11 (四) Day F	18 / 11 (五) Day A	24 / 11 (四) Day B	25 / 11 (五) Day C	28 / 11 (一) Day D	29 / 11 (二) Day E	30 / 11 (三) Day F
1					BIO		ENG (2)			
2									CHM	
3										
4										
5				CHI		MATHS			L S	
6										
7									GEO / PHY /	
8									BAFS (PAC)	





## 5C (十一月份測驗時間表)

日期 節次	14/ 11 (一) Day C	15/ 11 (二) Day D	16/ 11 (三) Day E	17/ 11 (四) Day F	18/ 11 (五) Day A	24/ 11 (四) Day B	25/ 11 (五) Day C	28/ 11 (一) Day D	29/ 11 (二) Day E	30/ 11 (三) Day F
1			ENG	ICT						CHM / CSCI (CHM)
2										
3	MATHS			CHI		CSCI (BIO)			LS	
4										
5										
6										
7				ECON				GEO /		
8								BAFS (PAC) / VIA (180MINS)		











## 6D (十一月份測驗時間表)

日期 節次	14/11 (一) Day C	15/11 (二) Day D	16/11 (三) Day E	17/11 (四) Day F	18/11 (五) Day A	24/11 (四) Day B	25/11 (五) Day C	28/11 (一) Day D	29/11 (二) Day E	30/11 (三) Day F
1		BIO		CHI		ENG (2)				
2										
3		BAFS-COMM						CSCI(PHY/CHM)		
4								CSCI (PHY) / CSCI(BIO/CHM)		
5			MATHS	ICT			LS			BAFS (PAC)
6										
7						CSCI (BIO) / VIA (180MINS)				
8				PHY						

## 7A (十一月份測驗時間表)

日期 節次	14/ 11 (一) Day C	15/ 11 (二) Day D	16/ 11 (三) Day E	17/ 11 (四) Day F	18/ 11 (五) Day A	24/ 11 (四) Day B	25/ 11 (五) Day C	28/ 11 (一) Day D	29/ 11 (二) Day E	30/ 11 (三) Day F
1				UE SECTION E						
2										
3								ES		
4										
5	ECON									
6										
7	BS		CLC(2)	GEO		MW (150 MINS)	M&S / CHH (180MINS)			PAC
8										

